

Bản án số: **103/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-7-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng
2. Ông Nguyễn Lương Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian tiếp tục mở lại phiên tòa số 298/TB-TA ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bạch Đức T, sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị H trình bày: Chị và anh Bạch Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn để chung sống cùng chăm lo cho các con nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được. Chị H nhận thấy kéo dài cuộc sống hôn nhân chỉ làm khổ cả hai do có quá nhiều bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, vào năm 2020 thì vợ chồng chị không còn chung sống với nhau, chị đưa cháu Bạch Đức P

về tỉnh Thái Bình sinh sống, còn cháu Bạch A Khoa sống cùng với anh Bạch Đức T tại Đồng Nai, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống ai người đó lo. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Đức T.

Về con chung: Anh chị có với nhau 02 con chung tên Bạch Anh K, sinh ngày: 19/02/2011, cháu Bạch Đức P, sinh ngày: 23/6/2018. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Bạch Đức P và giao cháu Bạch A Khoa cho anh T nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị Quách Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Quách Thị H trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bạch Đức T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Bạch Đức T vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Bạch Đức T đối với yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị H.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho cho chị Quách Thị H được ly hôn với anh Bạch Đức T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Bạch Anh K, sinh ngày: 19/02/2011, cháu Bạch Đức P, sinh ngày: 23/6/2018. Hiện cháu P đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chị H yêu cầu được nuôi cháu P; Cháu K đang do anh T nuôi dưỡng và chị H đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Bạch A Khoa cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu Bạch Đức P cho chị H nuôi dưỡng. Chị H trình bày không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Quách Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị Quách Thị H trình bày không có, anh Bạch Đức T không có lời khai nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Quách Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Bạch Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Quách Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Bạch Đức T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị H và anh Bạch Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: chị Quách Thị H trình bày quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn để chung sống cùng chăm lo cho các con nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được. Chị H nhận thấy kéo dài cuộc sống hôn nhân chỉ làm khổ cả hai do có quá nhiều bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, vào năm 2020 thì vợ chồng chị không còn chung sống với nhau, chị đưa cháu Bạch Đ phúc về tỉnh Thái Bình sinh sống, còn cháu Bạch A Khoa sống cùng với anh Bạch Đức T tại Đồng Nai, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống ai người đó lo. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại Biên bản xác minh ngày 13/4/2023 tại ấp G, xã X (bút lục số 32) thể hiện anh T hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay chị Quách Thị H và anh Bạch Đức T không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bạch Đức T đến tham gia các buổi làm việc, xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do chính đáng. Và chị H đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân với anh T. Thấy rằng, chị H cương quyết xin ly hôn nhưng anh T không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để anh T và chị H đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc và anh T cũng thờ ơ về việc chị H xin ly hôn với anh nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Anh chị có 02 con chung là Bạch Anh K, sinh ngày: 19/02/2011, cháu Bạch Đức P, sinh ngày: 23/6/2018. Chị H yêu cầu được nuôi con chung là cháu P và giao cháu K cho anh T nuôi. Xét thấy hiện nay cháu P đang ở với chị H và cháu K đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay nên tiếp tục giao cháu Bạch Đức P cho chị Quách Thị H nuôi dưỡng và giao cháu Bạch A Khoa cho anh Bạch Đức T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tạm thời không yêu cầu anh Bạch Đức T cấp dưỡng nuôi con là cháu P và chị H cũng không cấp dưỡng cho anh T để nuôi cháu K nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Quách Thị H trình bày không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Quách Thị H trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Quách Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Quách Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị H được ly hôn với anh Bạch Đức T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2010, ngày 05/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Bạch Anh K, sinh ngày: 19/02/2011 cho cha là anh Bạch Đức T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Giao con chung là cháu Bạch Đức P, sinh ngày: 23/6/2018 cho mẹ là chị Quách Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

Chị Quách Thị H, anh Bạch Đức T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Quách Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Quách Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007435 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Quách Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị H, anh Bạch Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hải